

Bản án số: 87/2020/HS-ST
Ngày 30 - 9 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duẩn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Minh

Ông Nguyễn Văn Chung

-Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 73/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2020/QĐXXST - HS ngày 10 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Cao Quốc C, sinh ngày 29 tháng 10 năm 1989, Nơi sinh và cư trú: thôn C, xã T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Xuân T, sinh năm 1964 và con bà Cao Thị B, sinh năm 1966 Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1994. (đã ly hôn); Con: có 02 con (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015); Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số: 42/2009/HSST ngày 12/8/2009, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xử phạt C 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm 05 tháng về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Ngày 04/12/2009, C chấp hành xong án phí HSST và khoản tiền truy thu sung công Nhà nước.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/7/2020. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Vĩnh Tường. Tại phiên tòa bị cáo có mặt.

Bị hại: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987(có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, thị trấn T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn C1, sinh năm 1987(vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1963(vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Ngõ 87 B phố K, phường C, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 45 phút ngày 17/5/2020, tại nhà ở của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987, ở thôn T, thị trấn T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, Cao Quốc C mượn của anh T 01 chiếc xe mô tô BKS: 88L1 – 2702 nhãn hiệu Honda, loại xe Dream màu sơn nâu để đi về nhà có việc. Tuy nhiên, sau khi mượn được xe mô tô của anh T, trên đường đi về nhà do thấy chiếc xe mô tô của anh T có giá trị, đồng thời C đang cần tiền để tiêu xài cá nhân nên C đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô mượn của anh T đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau đó, C điều khiển xe mô tô của anh T đi đến thành phố Hà Nội để tìm địa điểm bán xe. Đến ngày 21/5/2020, C đã đem chiếc xe mô tô BKS 88L1 – 2702 mượn của anh T đến khu vực đường Trần Đăng Ninh thuộc phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội bán cho ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1963, trú tại phường H, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội là người hành nghề buôn bán xe cũ, được số tiền 3.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết số tiền bán được xe. Sau nhiều lần tìm gặp, điện thoại để yêu cầu trả xe nhưng không liên lạc được với C nên anh T đã báo cơ quan Công an giải quyết.

Quá trình điều tra Cao Quốc C thừa nhận bán chiếc xe mô tô BKS 88L1 – 2702 mượn của anh T cho ông Nguyễn Duy H ở đường Trần Đăng Ninh thuộc phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, ông Nguyễn Duy H đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc xe mô tô BKS 88L1 - 2702 để phục vụ điều tra theo quy định.

Tại kết luận số 67/2020/KL-ĐG ngày 02/6/2020, Hội đồng định giá tài sản trong T tụng hình sự huyện Vĩnh Tường kết luận: “01 xe mô tô biển kiểm soát BKS: 88L1 – 2702, nhãn hiệu Honda Dream trị giá 15.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 78/CT-VKSVT ngày 27/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường truy T Cao Quốc C về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường giữ nguyên quan điểm truy T bị cáo theo tội danh và điều luật như Cáo trạng nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo C từ 01(một) năm 03(ba) tháng đến 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù. Đề nghị

ghi nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã trả lại chiếc xe mô tô cho anh Nguyễn Văn C1. Đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường tiền mua xe cho ông H số tiền 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa người bị hại anh T đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh C1, ông H vắng mặt nhưng đã có lời khai tại cơ quan Điều tra. Anh C1 đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật và không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì, ông H yêu cầu bị cáo phải trả lại cho ông số tiền 3.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo nói lời sau cùng thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bị cáo C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định Tổ tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Tường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy T đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có người nào có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành Tố tụng, người tiến hành Tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định Tố tụng của Cơ quan tiến hành Tố tụng, người tiến hành Tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 08 giờ 45 phút ngày 17 tháng 5 năm 2020, tại nhà ở của anh Nguyễn Văn T, ở thôn T, thị trấn T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, Cao Quốc C mượn của anh T 01 chiếc xe mô tô BKS: 88L1 – 2702 nhãn hiệu Honda, loại xe Dream màu sơn nâu để đi về nhà có việc. Sau khi mượn được xe mô tô của anh T, trên đường đi về nhà do thấy chiếc xe mô tô của anh T có giá trị, đồng thời C đang cần tiền để tiêu xài cá nhân nên C đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô mượn của anh T bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau đó C đã đem chiếc xe mô tô trên đến bán cho ông Nguyễn Duy H được 3.000.000 đồng và đã tiêu sài cá nhân hết số tiền này dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản cho anh T. Tài sản bị cáo chiếm đoạt của anh T trị giá 15.000.000 đồng.

Xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Cao Quốc C phạm tội: “Lạm dụng tín

nhệm chiếm đoạt tài sản'. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới bốn triệu đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

b. ...mượn tài sản của người khác...và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản ”.

Xét tính chất vụ án ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây bất bình trong nhân dân. Hành vi của bị cáo xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần xử lý nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Xét nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo sinh năm 1989 là một thanh niên phát triển bình thường có đầy đủ năng lực hành vi trách nhiệm hình sự bị cáo nhận thức rõ việc làm của mình là sai nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Bản thân bị cáo đã bị xử lý về hình sự, Tại Bản án số 42/2009/HSST ngày 12 tháng 8 năm 2009, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xử phạt C 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo điều đó thể hiện nhân thân của bị cáo không tốt. Lẽ ra phải phạt bị cáo ở mức cao, song xét thấy ở Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo đó là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ phần nào trách nhiệm hình sự cho bị cáo tuy nhiên vẫn phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo một thời gian khỏi cuộc sống cộng đồng với mức án như đề nghị của Viện kiểm sát có như vậy mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự quy định: “ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng...”. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có tài sản có giá trị, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Đối với ông Nguyễn Duy H là người đã mua chiếc xe mô tô BKS 88L1 - 2702 của C. Quá trình điều tra xác định ông H không biết chiếc xe mô tô này là do C phạm tội mà có vì khi mua chiếc xe mô tô BKS 88L1 - 2702 của C thì C nói với ông H đây là xe mô tô của C, đăng ký xe C để quên ở nhà và hẹn mấy ngày sau sẽ đem đăng ký trả cho ông H. Mặc dù ông H biết chiếc xe mô tô này có giá trị thực tế

cao hơn so với giá C giao bán nhưng do có quen biết C ngoài xã hội từ trước và do C tự chủ động đưa ra giá bán nên ông H tin tưởng và đồng ý mua. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông H là phù hợp.

[5] Về vật chứng của vụ án: Đối với chiếc xe mô tô BKS: 88L1 – 2702 quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Văn C1 (anh trai vợ anh T), nên Cơ quan Điều tra đã trả lại cho anh C1 chiếc xe mô tô này. Nhận lại tài sản anh C1 không có yêu cầu đề nghị gì do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra ông Nguyễn Duy H yêu cầu bị cáo phải trả lại cho ông H số tiền 3.000.000 đồng là tiền ông H trả cho bị cáo khi mua chiếc xe mô tô BKS 88L1 - 2702 của bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí với yêu cầu của ông H. Hội đồng xét xử nhận thấy, khi ông H mua chiếc xe mô tô BKS 88L1 - 2702 của bị cáo thì ông H không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Quá trình điều tra ông H đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra chiếc xe mô tô BKS 88L1 - 2702 và cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô này cho chủ sở hữu hợp pháp là anh C. Do đó việc buộc bị cáo phải trả lại cho ông H số tiền 3.000.000 đồng là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Cao Quốc C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt: Bị cáo Cao Quốc C 01 (một) năm 3 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03 tháng 7 năm 2020.

Về dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Điều 122, Điều 127, Điều 131, Điều 357, Điều 407, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bị cáo Cao Quốc C phải bồi thường cho ông Nguyễn Duy H 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo qui định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Cao Quốc C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự trong vụ án hình sự: Bị cáo Cao Quốc C phải chịu 300.000 đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện + tỉnh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường;
- Công an huyện Vĩnh Tường;
- UBND xã T.
- Bị cáo; Người bị hại.
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Sở Tư pháp Vĩnh Phúc;
- Lưu HS, bộ phận theo dõi THAHS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Duẩn

